

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ – ST.

Ngày: 30-6-2021.

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C - THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Mộng Tuyền**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thúy Kiên**.

2. Bà **T2 Ánh Trinh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Điêu Khắc Khanh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận C - thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C - thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Ngọc Chi** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hồ Thị Mỹ T** - sinh năm 1981. Đăng ký thường trú: khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ cư trú: ấp E, xã F, huyện G, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn T1** - sinh năm 1982. Địa chỉ: khu vực A, phường B, quận C, Tp Cần Thơ. (vắng mặt lần thứ hai)

3. *Người có quyền lợi liên quan:* **Trần Văn T2** - sinh ngày: 19/02/2004. Địa chỉ: khu vực A, phường B, quận C, Tp Cần Thơ. (vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/01/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ vào ngày 20/6/2006. Thời gian đầu chung sống gia đình cũng đầm ấm, hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T1 thường xuyên đi nhậu và chơi cờ bạc với bạn bè, không quan tâm đến gia đình, nhiều lần bà có

khuyên ông T1 sửa đổi lại tính tình để cùng chăm lo cho vợ con nhưng ông T1 không những không sửa đổi mà mỗi khi nhậu về ông T1 còn kiếm chuyện đánh đập bà, nên đến tháng 03/2019 bà về nhà cha mẹ sống từ đó bà và ông T1 ly thân cho đến nay. Từ khi sống ly thân bà và ông T1 không còn liên lạc với nhau nên đến nay ông bà vẫn chưa hàn gắn được tình cảm. Nay bà xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà và ông T1 có 01 (một) người con tên Trần Văn T2, sinh ngày 19/02/2004 hiện đang sống với ông T1. Khi ly hôn bà đồng ý giao con chung cho ông T1 được quyền nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định bà và ông T1 chung sống không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ ông Trần Văn T1 và Trần Văn T2 đến tham gia giải quyết vụ án nhưng ông T1 và T2 không đến, do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T1 về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại biên bản xác minh ông Lâm Công T – Trưởng khu vực A cho biết: Đương sự Trần Văn T1 – sinh năm 1982 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ, nhưng hiện nay ông T1 đi làm ăn xa thỉnh thoảng về nhà một lần xong rồi lại tiếp tục đi làm tiếp, do khi đi ông T1 không trình báo nên không biết đương sự làm gì và ở đâu.

Tại biên bản xác minh ông Trần Văn N cho biết: Ông có mối quan hệ là em ruột của ông Trần Văn T1 và là em chồng của bà Hồ Thị Mỹ T. Do quen biết nên ông T1 và bà T tự nguyện chung sống với nhau từ trước năm 2004 và có với nhau một người con tên là Trần Văn T2 hiện nay đang sống với ông T1. Quá trình chung sống ông thấy ông T1 và bà T không có tài sản chung, còn về nợ chung do mỗi người có cuộc sống riêng nên ông không quan tâm và không biết ông T1 và bà T có nợ nần ai không. Vào ngày 19/3/2021 và ngày 06/4/2021 sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải và giấy triệu tập của Tòa án thì ông có thông báo lại cho ông T1 và T2 biết việc Tòa án triệu tập ông T1 và T2 đến để tham gia giải quyết vụ án thì được ông T1 trả lời do bận việc làm ăn nên không thể về theo giấy triệu tập của Tòa án, đồng thời, ông T1 cho biết đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T thì ông T1 cũng không có ý kiến gì để Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo hợp lệ đến các đương sự về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để động viên các đương sự bỏ qua mâu thuẫn, trở về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng nhiều lần ông T1 không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, không bổ sung gì thêm.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký và việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Hồ Thị Mỹ T được ly hôn với ông Trần Văn T1.

- Về con chung: Giao cháu Trần Văn T2 – sinh ngày 19/02/2004 cho ông T1 tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tách phần cấp dưỡng nuôi con ra giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ kiện dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

- Về án phí: Bà Hồ Thị Mỹ T phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Xét tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn T1 và người có quyền lợi liên quan Trần Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng ông T1 và T2 vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 và T2 là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp*: Bà Hồ Thị Mỹ T yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T1. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo tài liệu, chứng cứ là sổ hộ khẩu do bà Hồ Thị Mỹ T cung cấp và biên bản xác minh ông Lâm Công T – Trưởng khu vực A thể hiện ông Trần Văn T1 hiện nay có đăng ký thường trú và sinh sống tại khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. Do đó, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông T1 chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện từ năm 2003 và có đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong thời kỳ hôn nhân bà T cho rằng giữa hai bên bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, sau đó ông T1 bỏ nhà đi không quan tâm, chăm lo đến gia đình nên ông bà đã chính thức sống ly thân từ tháng 3/2019 cho đến nay. Từ khi ly thân ông bà không còn giữ liên lạc và không còn quan tâm lẫn nhau nên đến nay vẫn chưa hàn gắn được tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần triệu tập ông T1 đến nhưng ông T1 đều vắng mặt

không có lý do và đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T thì ông T1 có biết nhưng cũng không có ý kiến gì. Từ đó cho thấy ông T1 đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà T và ông cũng không có thiện chí hoà giải hàn gắn tình cảm với bà T. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được, nếu tiếp tục kéo dài đời sống chung cũng không đạt được hạnh phúc. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] *Về con chung*: Bà T và ông T1 chung sống có 01 người con tên Trần Văn T2 – sinh ngày 19/02/2004 hiện do ông T1 đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T cho rằng quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án bà có liên lạc với T2 để hỏi ý kiến T2 muốn sống với bà hay ông T1 thì T2 cho biết nguyện vọng T2 muốn được sống với ông T1. Vì vậy bà tự nguyện giao con chung cho ông T1 được quyền nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, bà không cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ đối với cháu T2 để ghi nhận ý kiến về nguyện vọng của cháu muốn được sống với ông T1 hay bà T nhưng các lần mời T2 đều vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai nuôi phải xem xét quyền lợi mọi mặt của con, từ khi ly thân cho đến nay thì cháu T2 do ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Để ổn định tâm lý, tránh xáo trộn cuộc sống của con nghĩ nên tiếp tục giao cháu T2 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đồng thời, dành cho bà T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở và ông bà có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của con là đúng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Xét việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, nhưng do ông T1 và cháu T2 vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi cho con cần tách vấn đề cấp dưỡng ra giải quyết thành vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Quá trình giải quyết vụ án bà T xác định không có nhưng do ông T1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tách ra giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[4] *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** *Tuyên xử:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Hồ Thị Mỹ T được ly hôn với ông Trần Văn T1.

- Về con chung: Giao cháu Trần Văn T2 – sinh ngày 19/02/2004 cho ông T1 được quyền nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà T không ai được quyền cản trở.

Tách phần cấp dưỡng nuôi con ra giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tách phần tài sản chung, nợ chung giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hồ Thị Mỹ T phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/002657 ngày 25/02/2021 (*công nhận bà T đã nộp xong*).

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND quận C;
- Chi Cục THA DS quận C;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Mộng Tuyền